

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP SÔNG CON**

Số: 01/BC-CTCPNNSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày.....tháng 03 năm 2021.

BÁO CÁO Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CPNN Sông Con
- Tên tiếng anh: Song Con agriculture joint stock company
- Tên viết tắt: SCA.JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900329834, đăng ký lần đầu vào ngày 19/03/2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 24/06/2019. ;
- Vốn điều lệ: 20.760.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tân Phú – Tân Kỳ - Nghệ An
- Số điện thoại: 0238 3887 656
- Số fax: 0238 3887 116
- Website: nongnghiepsongcon.com
- Mã cổ phiếu: SCA
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 25/12/1955: có tên gọi là Nông trường Quốc Doanh Sông Con;
 - + Ngày 26/04/2006: sáp nhập hai nông trường đổi tên thành Công ty nông nghiệp Sông Con
 - + Tháng 11/2020: đổi tên thành Công ty TNHH MTV nông nghiệp Sông Con
 - + Ngày 08/08/2018: đổi tên thành Công ty CPNN Sông Con.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Trồng cây cao su	0125 (chính)
2	Trồng cây ăn quả	0121
3	Trồng cây mía	0114
4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
5	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
6	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
7	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
8	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Kinh doanh gas, dầu hỏa, than, nhiên liệu dùng cho gia đình,..	4661
10	Bán lẻ các hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể: - Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán lẻ gas, dầu hỏa, than, nhiên liệu dùng cho gia đình,...	4773
11	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: - Bán lẻ xăng dầu, nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Bán lẻ dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730

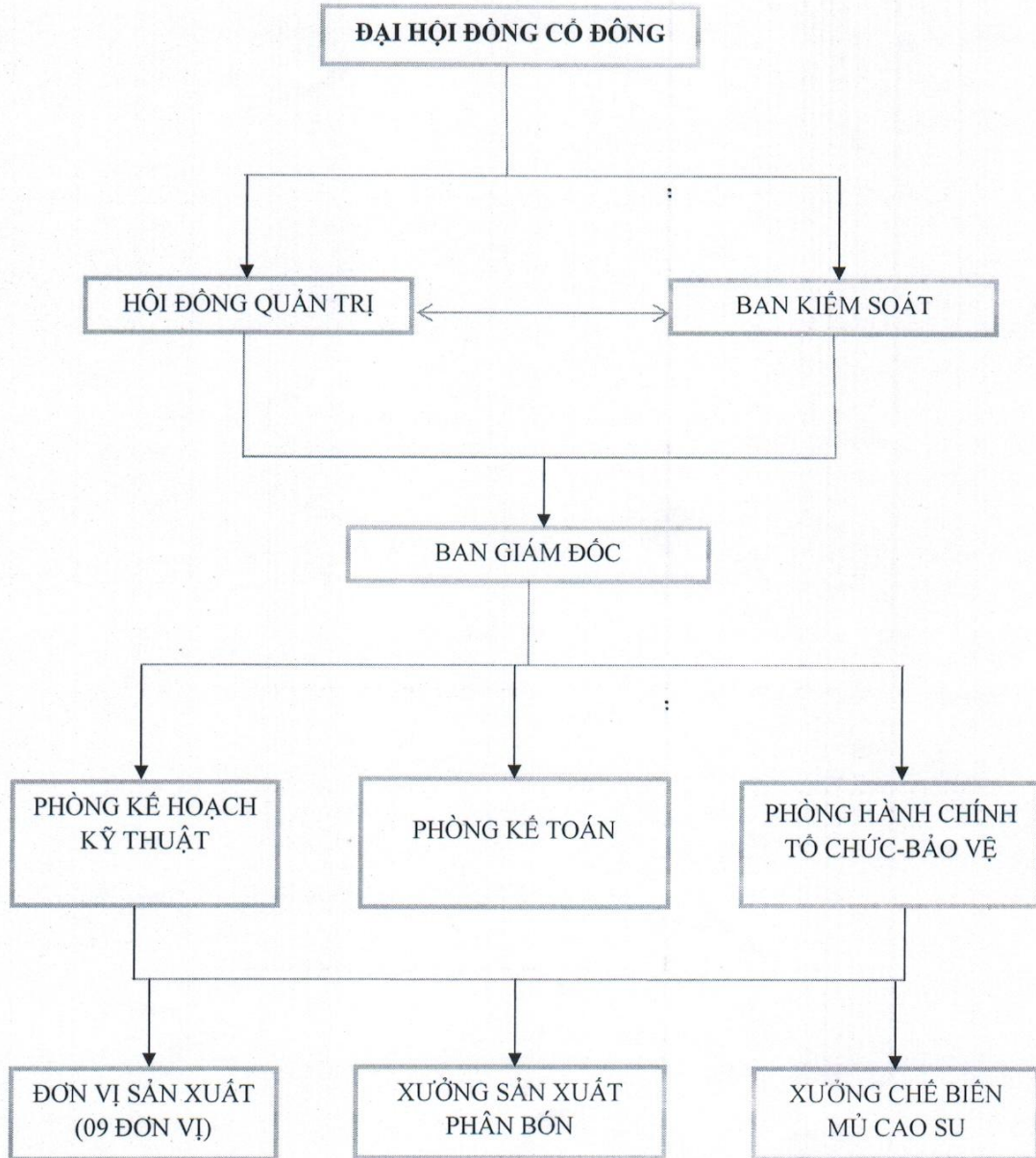
- Địa bàn kinh doanh: Xã Tân Phú – huyện Tân Kỳ - tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

4. Định hướng phát triển:

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty luôn mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất mủ cốt chất lượng cao từ năm 2010, hằng năm được nâng cấp và hoàn thiện nhà xưởng, xử lý môi trường, đã và đang sản xuất có hiệu quả, chất lượng sản phẩm luôn được nâng cao, đảm bảo chữ tín trên thị trường, được khách hàng tin cậy và ưa thích.

- Trước tiềm năng phát triển của ngành, sau khi chuyển thành Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con Ban lãnh đạo vẫn tiếp tục làm tốt nghiệp vụ chuyên môn. Công ty luôn xây dựng mục tiêu, chiến lược phù hợp gồm: quản lý và khai thác có hiệu quả quỹ đất được giao nhằm phát triển sản xuất hàng hóa (chủ yếu là cây Cao su, Ớt, mô hình trình diễn, sản xuất giống các loại); thực hiện đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng doanh thu và lợi nhuận. Chủ động phát huy, phát triển nguồn vốn của các cổ đông, của cán bộ, người lao động tại doanh nghiệp, vốn do liên doanh liên kết;

- Phối hợp với Nhà đầu tư chiến lược xây dựng trung tâm sản xuất mía giống công nghệ cao để nghiên cứu và thực hiện việc sản xuất mía giống chất lượng cao bằng công nghệ nuôi cấy mô và giâm hom, nhằm cung cấp cho toàn vùng nhiên liệu và các đơn vị lân cận; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng đất, giải quyết việc làm, ổn định thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động.

5. Các rủi ro, khó khăn:

- Trong năm, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thiên tai dịch bệnh liên miên, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền nông nghiệp nói riêng. Hoạt động sản xuất phụ thuộc rất lớn vào thiên nhiên nên năm qua quả thực là một năm đáng để quên với nền nông nghiệp. “Tê liệt, trì trệ” là tất cả những thực tế chúng ta phải chấp nhận trong năm qua. Nhưng bằng sự cố gắng của ban điều hành cùng toàn thể các cán bộ công nhân viên công ty, năm qua công ty có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận.

- Giá cả mặt hàng vật tư nông nghiệp, nhân công phục vụ sản xuất cao, làm giảm khả năng đầu tư của một bộ phận khá lớn người lao động, chất lượng vườn cao su giảm thấp xuống do ảnh hưởng thời tiết (hạn hán, bão); giá bán mặt hàng cao su ở mức độ trung bình làm ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập, đời sống nhân dân lao động, tác động trực tiếp đến tình hình thực hiện kế hoạch của công ty;

- Một số bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong công tác quản lý điều hành ở từng bộ phận; đôi lúc còn có biểu hiện về tư tưởng không ổn định trong công tác. Một số bộ phận công nhân có ý thức kém trong việc xây dựng công ty và đi trái với

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nội quy lao động, TULĐTT, Cơ chế chính sách quản lý và không đúng với chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: - Hệ số thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (tài sản ngắn hạn – HTK)/ Nợ ngắn hạn	Lần	5,73 3,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: - Tỷ số nợ trên tài sản: Tổng nợ/tổng tài sản - Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Tổng nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	4,96 1,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: - Hệ số LNST/DTT - Hệ số LNST/VCSH - Hệ số LNST/Tổng tài sản - Hệ số LNT từ HĐKD/DTT - Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	% % % % %	0,38 0,75 0,6 0,05 0,37

(Nguồn: BCTC kiểm toán ngày)

- Các khoản phải nộp theo pháp luật:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	160.459.111
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.741.558
3	Thuế nhà đất	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		174.200.669

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Các khoản phải thu:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
1	I. Phải thu ngắn hạn:	10.345.124.823	8.732.561.866
	- Phải thu khách hàng	2.985.323.876	2.074.991.935
	- Trả trước cho người bán	29.039.350	22.707.500
	- Phải thu ngắn hạn khác	7.330.761.597	6.634.862.431
2	II. Nợ phải thu dài hạn	4.532.396.996	4.691.821.566
3	Tổng	14.881.521.819	13.424.383.432

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020)

- Các khoản phải trả:

Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
I. Nợ ngắn hạn:	2.900.777.898	1.234.541.925
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	2.383.229.820	688.829.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	106.862.809	108.912.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	174.201.179	201.945.783
4. Phải trả người lao động	30.000.000	16.329.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	191.741.377	200.882.669
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.724.673	17.642.673
II. Nợ dài hạn:		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.411.975.000	2.411.975.000
Tổng nợ phải trả:	5.312.752.898	3.646.516.925

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu
1	Võ Hồng Điềm	Giám đốc	157.000
2	Nguyễn Quốc Mão	Phó giám đốc	776.260
3	Vũ Quang Đông	Kế toán trưởng	0

- Danh sách cán bộ, quản lý đến thời điểm 31/12/2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Hồng Thanh	TP kế hoạch
2	Hoàng Mạnh Long	TP. TCHC-BV
3	Nguyễn Đình Sỹ	Cán bộ kỹ thuật
4	Nguyễn Văn Phương	Cán bộ kỹ thuật
5	Nguyễn Trọng Chiến	Cán bộ kỹ thuật
6	Thái Bá Hồng	Tài vụ
7	Hoàng Thị Khuyên	Tài vụ
8	Trần Thị Thúy	Thủ quỹ
9	Nguyễn Trà Giang	Văn thư
10	Ngô Xuân Bảy	Bảo vệ
11	Nguyễn Trọng Bằng	ĐT Đức Thịnh
12	Nguyễn Duy Vinh	KT Đức Thịnh
13	Đặng Văn Nam	ĐT Tân Lương
14	Nguyễn Thị Ánh Vân	KT Tân Lương
15	Trần Thị Hương	ĐT Nhất Đồng Suu
16	Cao Thị Lệ	KT Nhất Đồng Suu
17	Trần Văn Cơ	ĐT Thái Yên Phong
18	Nguyễn Thị Hào	KT Thái Yên Phong
19	Đặng Ngọc Thuận	ĐT Xuân Lý
20	Giản Viết Trường	ĐT Minh Phúc
21	Lê Thị Minh Quyên	ĐT Tân Long
22	Nguyễn Thị Thanh Huyền	KT Long Lập Thắng
23	Lưu Văn Vỹ	ĐT Lập Thắng
24	Nguyễn Thị Nghĩa	ĐT Hồ Thành
25	Đặng Hoài Nam	KT Hồ Thành

- Công tác thực hiện chế độ, chính sách:

- * Có 100% đối tượng HĐLĐ được ký kết HĐLĐ;
- * Đã thực hiện việc cấp 100% sổ BHXH, thẻ BHYT, kịp thời, chính xác; Một số trường hợp sai, hỏng được sửa đổi, cấp lại.
- * Thực hiện các chính sách hỗ trợ, phụ cấp, trợ cấp: :
 - + Giải quyết ốm đau, thai sản 319 lượt = 641.831.727 đồng
 - + Tổ chức thi nâng bậc lương: 145 người
 - + Tuyển dụng HĐLĐ mới: 11 người

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- + Đóng BHXH, BHYT, BHTN: 7.200.000.000 đồng
- * Thực hiện các hoạt động xã hội:
 - + Thực hiện chế độ hiếu, hỷ: 17.350.000 đồng
 - + Trợ cấp khó khăn đột xuất: 20.100.000 đồng
 - + Quà ngày thương binh liệt sĩ: 7.050.000 đồng
 - + Quà khuyến học cho các cháu: 14.790.000 đồng
 - + Quà cho các cháu nhân ngày 1/6 và Tết Trung thu: 8.200.000 đồng
 - + Chi mang tính chất xã hội khác: 17.000.000 đồng
 - + Giải quyết chế độ chính sách cho 1 LĐ hưởng BHXH số tiền: 5.824.000 đồng

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.760.000 cổ phần

* Trong đó:

+ Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 31/12/2020:

TT	Cổ đông	Số CMTND / hộ chiếu	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu%/vốn điều lệ
1	UBND tỉnh Nghệ An		Số 3 Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An	771.760	37.18
2	Công ty CP mía đường Sông Con	2900324917	Khối 5 thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, Nghệ An	638.440	30.75
3	Ông: Võ Hồng Diễm	181765115	Tân Long. Tân Kỳ, Nghệ An	157.000	7.56
Tổng cộng:				1.567.200	75.49

+ Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con được chuyển đổi từ mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, vì vậy CTCP Nông nghiệp Sông Con không có cổ đông sáng lập.

+ Cơ cấu cổ đông của công ty tính đến ngày 31/12/2020:

Cổ đông		Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
Cổ đông trong nước	Cổ đông là tổ chức	1.410.200	67,93
	Cổ đông là cá nhân	665.800	32,07
Cổ đông nước ngoài	Cổ đông là tổ chức	0	0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Cổ đông là cá nhân	0	0
Tổng cộng:		2.076.000	100

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có giao dịch

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

d) Các chứng khoán khác: không có phát sinh

4. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Luôn hoàn thành các khoản nghĩa vụ như BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, kinh phí công đoàn, đoàn phí công đoàn; tham gia tích cực các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của công ty và địa phương phát động;

- Chấp hành tương đối tốt nghiêm túc quy hoạch đất đai, kế hoạch phát triển sản xuất, quy trình kinh tế kỹ thuật, đầu tư, phát huy hiệu quả đất đai sử dụng hợp đồng giao khoán;

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các Cơ chế chính sách, Nghị quyết hội nghị CN-LĐ;

- Được hưởng các quyền lợi, cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi của công ty như: trợ cấp khó khăn, giảm nghĩa vụ trên đất nhận khoán khi mất mùa, cho vay vật tư lãi suất thấp hơn lãi ngân hàng hoặc giống cao su không tính lãi thời kỳ kiến thiết cơ bản;

- Bên cạnh đó trong năm qua có một số công nhân, lao động nhận khoán chưa thực hiện đúng các nội quy, quy chế cũng như Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết nên công ty đã xử lý nghiêm một số trường hợp: thu hồi đất, chấm dứt hợp đồng lao động,...

- Thời gian làm việc của CNCB-LĐ được duy trì có hệ thống từ văn phòng xuống đội xưởng và theo đúng quy chế công ty;

- Công tác vệ sinh, an toàn lao động luôn được quan tâm đầu tư trang thiết bị bảo hộ theo nhiệm vụ sản xuất và làm việc. Trong năm, công ty đã kết hợp với UBND xã Tân Phú thu gom rác thải công nghiệp độc hại đã xử lý và thu gom hơn 500kg bao bì thuốc BVTV. Việc cung cấp trang thiết bị cần thiết cho công nhân được đảm bảo kịp thời.

- Công tác bảo vệ vườn cây trên địa bàn công ty được duy trì và tăng cường;

- Trong năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn trong cuộc sống, công ty chưa đáp ứng được hết nhu cầu mong muốn của người lao động nhưng các phong trào vẫn được duy trì và phát triển. Công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện tốt và đã tạo nền khuyến khích đối với công nhân trong phong trào phát triển sản xuất và thực hiện nhiệm vụ của công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2020:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Hạng mục	ĐVT	Sản lượng		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
			KH	TH			
1	Mủ cao su (cổm)	Tấn	380	327,466	8841	86,17	
2	Trồng mới cao su	Ha	23,8	6.4		26,9	
3	Mía cây	Tấn	28.000	24000	20100	85,71	
4	Mía trồng mới	Ha	102	88,35		86,6	
5	Cam quả	Tấn	669,9	395	3950	58,96	
6	Cam trồng mới	Ha	0	0	-		
7	Lúa	Tấn	1136	1136	7,9	100	
8	Ngô	Tấn	1505	1505	10,53	100	
9	Luân canh giá trị	Trđ	261,1	261,1	0,744	100	
10	Cá thịt	Tấn	197,4	112	3,37	56,85	
11	Sản xuất phân NPK 8-4-8	Tấn	775	112,35		158	
12	Dịch vụ vật tư NN	Trđ					
Tổng:					63484		

b. Thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	20.760	20.760	
2	Tổng số lao động	Người	28	28	
3	Tổng quỹ lương	Nghìn đồng	2.134.665	2.590.000	
4	Tổng doanh thu	Nghìn đồng	42.731.000	41.250.139	
5	Tổng chi phí	Nghìn đồng	42.065.000	41.160.613	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

6	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	750.000.000	89.525.298	
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	600.000.000	75.783.740	
8	LNST/vốn điều lệ	%	2.89%	0,37%	
9	Lãi cơ bản cổ tức	Đồng		37	
10	Trích lập các quỹ	Tr.đồng		0	

- Đầu tư vườn cam tập trung: 83.587.871 đồng, lý kế 1.114.786.537 đồng
- Đầu tư làm đường nguyên liệu theo dự án đến nay đã hoàn thành 85% kế hoạch
- Đầu tư tu sửa đường nội đồng: 247.773.000 đồng
- Đầu tư vườn ươm giống cao su: 93.961.600 đồng
- Công tác dịch vụ vật tư phân bón các loại và thức ăn chăn nuôi cá: 7.685.999.938 đồng đạt 105,65%

- Đầu tư nâng cấp hội trường Lập Thắng + trang thiết bị hội trường Lập Thắng: 98.209.273 đồng

- Đầu tư nâng cấp hội trường Minh Phúc: 95.093.000 đồng
- Đầu tư xây dựng kho vật tư Hồ Thành: 29.807.000 đồng
- Đầu tư xây dựng xưởng NPK: 288.121.000 đồng

c. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng giá trị sản phẩm sản xuất đạt 6,484/62,730 tỷ đồng đạt 101,2% kế hoạch

* Trong đó:

- + Doanh thu đạt 41.250.139.000đ/42.731.000.000đ đạt 96% kế hoạch
- + Thực hiện nghĩa vụ ngân sách: 445.578.274 đồng đạt 100% kế hoạch
- + Lợi nhuận sau thuế: 75.783.740đ/600.000.000 đồng đạt 0,79% kế hoạch.

d. Doanh thu giảm so với kế hoạch đưa ra do một số nguyên nhân sau:

+ Giảm thu 100% nghĩa vụ cá chết do dịch bệnh ở Đức Thịnh số tiền: 157.755.000 đồng

+ Giảm sản lượng cao su thành phẩm so với kế hoạch: 52,534 tấn tương đương giá trị: 1.628.554.000 đồng

+ Giảm năng suất sản lượng mía thịt so với kế hoạch là 5.186.510.000 đồng

e. Các chỉ tiêu khác cơ bản đạt kế hoạch trong đó đáng lưu ý là tăng thêm được dịch vụ đầu tư phân bón, giống các loại và xây dựng 02 hợp đồng phân bón đại lý: cấp I đạm Cà Mau và

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

cấp I phân bón Tiên Nông. Đã từng bước đi vào ổn định và được người lao động ghi nhận về chất lượng sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

1.1. Tình hình tài sản

- Tài sản dở dang dài hạn:

+ Xây dựng cơ bản dở dang:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
1	Vốn trồng rừng 327	300.341.996	300.341.996
2	Xưởng sản xuất NPK	288.121.000	-
3	Vườn ươm cao su	138.901.157	-
4	Hội trường đội Lập Thắng	66.034.000	
5	Hội trường đội Minh Phúc	95.093.000	
6	Chi phí làm vườn cam	1.114.786.537	1.031.204.666
Tổng:		2.003.277.690	1.376.756.219

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 trang 16)

- Nợ phải thu:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
1	Nợ ngắn hạn phải thu	2.985.323.876	2.074.991.935
2	Nợ phải thu khác:		
	- Ngắn hạn:	7.330.761.597	6.634.862.431
	- Dài hạn:	4.532.396.996	4.691.821.566

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 trang 15,16)

1.2. Tình hình nợ phải trả

- Phải trả người bán:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
-----	----------	------------	------------

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

		Giá trị	Khả năng thanh toán	Giá trị	Khả năng thanh toán
1	Công ty CP vật tư nông nghiệp Tân Kỳ	17.800.000	17.800.000	198.470.000	198.470.000
2	Công ty CP công nghiệp Tiên Nông	1.645.805.000	1.645.805.000	3560.000	3560.000
3	Đối tượng khác	719.624.820	719.624.820	486.799.800	486.799.800
Tổng:		2.383.299.820	2.383.299.820	688.829.800	688.829.800

(Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 trang 17)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Duy trì nghiêm chế độ làm việc và thời gian nghỉ ngơi theo đúng quy định của bộ luật lao động, vận dụng sát đúng vào điều kiện cụ thể của công ty. Các chế độ về BHXH, BHYT, về tiền lương, hỗ trợ cuối năm, trợ cấp ốm đau, thăm hỏi, thai sản đối với công nhân được chi trả kịp thời, nhanh chóng, đúng quy định của Nhà nước.

- Quy chế dân chủ trong công ty được xây dựng có hệ thống, công tác quản lý điều hành đảm bảo nghiêm túc, các hoạt động tài chính trong năm được công khai rõ ràng, đầy đủ. Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và theo Điều lệ công ty.

- Tổ chức Công đoàn luôn được công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động theo đúng Điều lệ công đoàn và Điều lệ công ty.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Ban Giám đốc đồng ý, thống nhất với kết quả kiểm toán.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đưa ra. Công ty đã có các biện pháp tích cực trong sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu đề ra đặc biệt là doanh thu.

- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT, BKS đều thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

- Việc công bố thông tin luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

- Nói chung, Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong số 3 thành viên Hội đồng quản trị có 2 thành viên trong Ban Giám đốc nên việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT giao được gắn cụ thể với công tác điều hành; trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Ban Giám đốc trong các lĩnh vực chính:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao thực hiện năm 2020;

- Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2020 Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng như sau:

- Chuẩn bị chu đáo và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đảm bảo chất lượng.

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Tổ chức thực hiện các cuộc họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất của HĐQT đảm bảo chất lượng và kịp thời để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua của Ban giám đốc.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

V. Quản trị công ty, ban kiểm soát:

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT – thành viên không điều hành
2	Ông Võ Hồng Diễm	Thành viên HĐQT – thành viên điều hành
3	Ông Nguyễn Quốc Mão	Thành viên HĐQT – thành viên điều hành

- Sơ yếu lý lịch của từng thành viên HĐQT:

a. Ông Nguyễn Bá Quý:

Họ và tên:	Nguyễn Bá Quý
Giới tính:	Nam
Ngày, tháng năm sinh:	02/03/1960
Nơi sinh:	Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Khối 3, TT Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
CMT:	187253456, ngày cấp 12/07/2010, nơi cấp: Nghệ An
Điện thoại:	0912 187 560
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT công ty CPNN Sông Con
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT công ty mía đường Sông Con
Quá trình công tác:	-Từ 01/11/1982 đến 31/03/1993: Kỹ sư tại Xí Nghiệp vận tải 500 xe – công ty thủy điện Hòa Bình

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	<p>- Từ 1/4/1993 đến 30/09/2001: trưởng phòng kỹ thuật tại Xí nghiệp Đường Rượu Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Từ 01/10/2001 đến 31/05/2004: Phó giám đốc công ty cổ phần Mía đường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Từ 01/06/2004 đến 30/09/2006: Giám đốc công ty CP mía đường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An</p> <p>- Từ ngày 01/10/2006 đến 04/01/2017: Chủ tịch HĐQT công ty CP mía đường Sông Con</p> <p>- Từ 05/01/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT công ty CP mía đường Sông Con, kiêm chủ tịch HĐQT công ty CPNN Sông Con</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	638.440 cổ phần
Trong đó: -Sở hữu cá nhân -Được ủy quyền đại diện công ty CP mía đường Sông Con	0 CP 638.400CP
Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không có

b. Ông Võ Hồng Điềm:

Họ và tên:	Võ Hồng Điềm
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/05/1969
Nơi sinh:	Vĩnh Thành, Yên Thành, Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Xã Tân Long, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
CMND:	181765115
Điện thoại liên hệ:	0984 916 747

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Trình độ chuyên môn:	ĐH mở Hà Nội – khoa Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Giám đốc công ty CPNN Sông Con kiêm thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác:	-Từ tháng 2/1988 đến tháng 4/1991 Bộ đội đơn vị D59-C2-F261 F367 -Từ 10/1991 đến nay, làm việc tại công ty CPNN Sông Con
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	157.000 CP
<i>Trong đó:</i> -Sở hữu cá nhân: -Được ủy quyền đại diện số CP do UBND tỉnh Nghệ AN nắm giữ -Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan	157.000CP 0 CP Không có
Các khoản nợ đối với công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không có

c. Ông Nguyễn Quốc Mão:

Họ và tên:	Nguyễn Quốc Mão
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/06/1964
Nơi sinh:	Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ AN
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Tân Phú, Tân Kỳ, Nghệ An
CMND:	180845521
Điện thoại liên hệ:	0988 095 310
Trình độ chuyên môn:	Đại học Nông Nghiệp

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác:	- Từ 1982 đến 1987 học ĐH Nông nghiệp Huế- Hà Bắc - Từ 1987 đến nay công tác tại công ty CPNN Sông Con
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	776.260CP
<i>Trong đó:</i> - Sở hữu cá nhân: - Được ủy quyền đại diện số CP do UBND tỉnh Nghệ AN nắm giữ - Số lượng CP đang nắm giữ của những người liên quan	4.500 CP 771.760CP Không có
Các khoản nợ đối với công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không có

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị họp mỗi tháng 1 lần và họp đột xuất khi cần thiết để: Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh của tháng trước và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của tháng tiếp theo; Duyệt các nội dung Hội đồng quản trị giao Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện trong các kỳ họp trước; Nghe kết quả giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Nghe và góp ý kiến vào nội dung báo cáo tháng của Ban kiểm soát.

- Trong số 3 thành viên Hội đồng quản trị có 2 thành viên trong Ban Giám đốc nên việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT giao được gắn cụ thể với công tác điều hành; Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát Ban giám đốc trong các lĩnh vực chính:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao thực hiện năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

+ Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
+ Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Năm 2020 Ban Giám đốc hoạt động điều hành hoàn thành tốt các nhiệm vụ HĐQT giao.

- Tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT
+ Năm 2020 Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các quyết định, nghị quyết của HĐQT.

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên đưa ra. Công ty đã có các biện pháp tích cực trong sản xuất kinh doanh để đạt các chỉ tiêu đề ra đặc biệt là doanh thu.

+ Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

+ Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT, BKS đều thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

+ Việc công bố thông tin luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

1.4. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020 -NQ- HĐQT	06/1/2020	- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 12/2019 và kế hoạch SXKD tháng 1/2020 của Giám đốc công ty.	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

			<ul style="list-style-type: none">- Đồng ý với nội dung xét thưởng phân loại lao động năm 2019 và lương tháng 13 năm 2019 theo đề nghị của Giám đốc công ty.	
2	02/2020 -NQ- HĐQT	07/2/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 1/2020 và kế hoạch SXKD tháng 2/2020 của Giám đốc công ty.- Nhất trí với đề xuất điều chuyển Xưởng trưởng xưởng chế biến cao su về phòng Kế hoạch Công ty.	100%
3	03/2020 -NQ- HĐQT	06/3/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 2/2020 và kế hoạch SXKD tháng 3/2020 của Giám đốc công ty.- Thông qua nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ 3.- Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.- Thông qua nội dung các báo cáo của hội đồng quản trị; Giám đốc; Ban kiểm soát báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần 3.- Thông qua nội dung các tờ trình để trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần 3.- Đề xuất chọn công ty kiểm toán tài chính năm 2020 trình ĐHĐCĐ	100%
4	04/2020-NQ- HĐQT	11/02/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 3/2020 và kế hoạch SXKD tháng 4/2020 của Giám đốc công ty.- Bổ nhiệm bà Phạm Thị Đào phụ	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

			<p>trách quản trị Công ty và phụ trách trang Web của Công ty.</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều động cán bộ quản lý theo đề xuất của Giám đốc công ty.</p>	
5	05/2020-NQ-HĐQT	06/5/2020	<p>- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 4/2020 và kế hoạch SXKD tháng 5/2020 của Giám đốc công ty.</p> <p>- Thống nhất tặng quà cho ông Phạm Ngọc Minh; đội trưởng trước khi nghỉ việc.</p>	100%
6	06/2020-NQ-HĐQT	04/6/2020	<p>- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 5/2020 và kế hoạch SXKD tháng 6/2020 của Giám đốc công ty.</p>	100%
7	07/2020-NQ-HĐQT	07/7/2020	<p>- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 6/2020 và kế hoạch SXKD tháng 7/2020 của Giám đốc công ty.</p>	100%
8	08/2020-NQ-HĐQT	07/8/2020	<p>- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 7/2020 và kế hoạch SXKD tháng 8/2020 của Giám đốc công ty.</p>	100%
9	09/2020-NQ-HĐQT	07/9/2020	<p>- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 8/2020 và kế hoạch SXKD tháng 9/2020 của Giám đốc công ty.</p> <p>- Phê duyệt và ban hành Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.</p>	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

10	10/2020-NQ-HĐQT	07/10/2020	- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 1/2020 và kế hoạch SXKD tháng 2/2020 của Giám đốc công ty.	100%
11	11/2020-NQ-HĐQT	06/11/2020	- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 10/2020 và kế hoạch SXKD tháng 11/2020 của Giám đốc công ty. - Quyết định miễn giảm nghĩa vụ cá đội Đức Thịnh do bị dịch bệnh chết.	100%
12	12/2020-NQ-HĐQT	08/12/2020	- Thông qua nội dung báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 11/2020 và kế hoạch SXKD tháng 12/2020 của Giám đốc công ty. - Không thực hiện việc ký quy chế phối hợp hoạt động với xã Tân Phú. - Tổ chức tọa đàm nhân ngày kỷ niệm 65 năm thành lập Công ty kết hợp giao ban quý và tết dương lịch.	100%
13	01/QĐ- HĐQT	08/1/2020	Quyết định về việc phê duyệt nội dung thưởng phân loại lao động năm 2019 và xét chi trả lương tháng 13 năm 2019 cho CBQL văn phòng, đội, xưởng.	100%
14	02/QĐ- HĐQT	21/2/2020	Quyết định về việc phê duyệt nội dung Kế hoạch SXKD năm 2020	100%
15	03/QĐ- HĐQT	21/2/2020	Quyết định về việc phê duyệt nội dung Kế hoạch SXKD năm 2020	100%
16	04/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh quyền đội trưởng kiêm kế toán	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

			đội Xuân Lý	
17	05/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh quyền đội trưởng đội Đức Thịnh	100%
18	06/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh đội trưởng đội Thái Yên Phong	100%
19	20/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm, điều động luân chuyển đội trưởng đối với ông Đặng Ngọc Thuận.	100%
20	18/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm, điều động luân chuyển đội trưởng đối với ông Trần Văn Cơ	100%
21	14/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Đội trưởng đội Lập Thắng.	100%
22	19/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	100%
23	21/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Quyền đội trưởng đội Hồ Thành.	100%
24	22/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Quyền đội trưởng đội Tân Long.	100%
25	17/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định Bổ nhiệm chức danh Quyền đội trưởng đội Đức Thịnh	100%
25	24/QĐ- HĐQT	06/4/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị và trang Website của Công ty	100%
26	220/QĐ- HĐQT	07/9/2020	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
27	221/QĐ- HĐQT	07/9/2020	Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

28	239/QĐ- HĐQT	07/11/2020	Quyết định về việc miễn giảm thu nghĩa vụ cá đội Đức Thịnh năm 2020	100%
----	--------------	------------	---	------

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Phạm Thị Đào	Trưởng ban kiểm soát
2.	Phạm Thị Nhân	Thành viên ban kiểm soát
3.	Trần Thị Lan Anh	Thành viên ban kiểm soát

a. Bà Phạm Thị Đào:

Họ và tên:	Phạm Thị Đào
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	12/02/1993
Nơi sinh:	Trạm xá nông trường Sông Con, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
CMND:	187181062, ngày cấp 12/05/2017, nơi cấp: Công an Nghệ An
Điện thoại:	0942 681 881
Trình độ chuyên môn:	Cao đẳng
Chức vụ hiện nay:	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	03/2014-03/2015: làm việc tại công ty cổ phần BUCA 07/2015 đến nay: làm việc tại công ty CPNN Sông Con.
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	200 CP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Trong đó: -Sở hữu cá nhân -Được ủy quyền đại diện:	200CP 0CP
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty:	Không có

b. Bà Phạm Thị Nhân:

Họ và tên:	Phạm Thị Nhân
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	08/04/1963
Nơi sinh:	Quảng Lộc, Quảng Trạch, Quảng Bình
CMND:	181191895, ngày cấp 27/7/1999, nơi cấp: công an Nghệ An
Điện thoại:	0356 331 787
Trình độ chuyên môn:	Cao đẳng
Chức vụ hiện nay:	Thành viên ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	Từ tháng 02/1982 đến nay làm việc tại công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	3500CP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Trong đó: -Sở hữu cá nhân -Được ủy quyền đại diện:	3500CP 0 CP
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty:	Không có

c. Bà Trần Thị Lan Anh:

Họ và tên:	Trần Thị Lan Anh
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	15/11/1986
Nơi sinh:	Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An
CMND:	186381454, ngày cấp 14/1/2004, nơi cấp: công an Nghệ An
Điện thoại:	0396 388 268
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó phòng kế toán công ty Mía đường Sông Con
Quá trình công tác:	Từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2017 làm việc tại công ty mía đường Sông Con Từ 05/01/2017 đến nay kiêm thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	0CP
Trong đó: -Sở hữu cá nhân -Được ủy quyền đại diện:	0CP 0 CP
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với công ty:	Không có

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của BKS tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của BKS đã ban hành và thông qua năm 2019. Hàng quý, BKS đều họp và thông qua một số vấn đề của công ty: giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế; tham dự đầy đủ các cuộc họp có liên quan, các cuộc họp giao ban, họp HĐQT; cũng như đưa ra các kiến nghị, ý kiến đối với HĐQT, ban giám đốc (BGĐ) công ty.

- Trong quá trình làm việc, do tính chất địa lý, do ảnh hưởng của dịch COVID nên BKS thực hiện trao đổi công việc qua email, qua điện thoại, để các hoạt động được kịp thời, liên tục và có hiệu quả;

- Trong năm 2020, BKS đã thực hiện 3 cuộc họp và tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban tháng và các cuộc họp khác có liên quan;

- Tình hình thực hiện kiểm tra giám sát đối với hoạt động công ty năm 2020 tập trung chủ yếu vào các trọng điểm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, nội quy, quy chế và việc chấp hành pháp luật trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020 và các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành;

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Kiểm tra báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Ban kiểm soát tham gia vào tất cả các cuộc họp HĐQT, ban điều hành công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng cơ bản ở các đơn vị, đưa ra các ý kiến với HĐQT trong phạm vi trách nhiệm của mình.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương/phụ cấp (tháng)
1	Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	2.000.000đ
2	Võ Hồng Diễm	Thành viên HĐQT	1.500.000đ
3	Nguyễn Quốc Mão	Thành viên HĐQT	1.500.000đ
4	Phạm Thị Đào	Trưởng Ban kiểm soát	5.500.000đ
5	Phạm Thị Nhàn	Thành viên ban kiểm soát	800.000đ
6	Trần Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	800.000đ

4. Lương, thưởng, thù lao của bộ máy quản lý công ty năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức danh	ĐVT	Mức trả đủ
CÁN BỘ VĂN PHÒNG:				
1	Võ Hồng Diễm	Giám Đốc	Đồng	10.246.000
2	Nguyễn Quốc Mão	Phó Giám đốc	Đồng	9.192.000
3	Phạm Hồng Thanh	TP. KH-KT	Đồng	6.697.000
4	Vũ Quang Đông	Kế toán trưởng	Đồng	8.664.000
5	Hoàng Mạnh Long	TP. HC-TC-BV	Đồng	6.697.000
6	Nguyễn Đình Sỹ	Nhân viên kế hoạch	Đồng	5.643.000
7	Nguyễn Văn Phương	Nhân viên kế hoạch	Đồng	5.421.000
8	Thái Bá Hồng	Tài vụ	Đồng	5.421.000
9	Hoàng Thị Khuyên	Tài vụ	Đồng	4.907.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

10	Nguyễn Trọng Chiến	Nhân viên kế hoạch	Đồng	5.824.000
11	Trần Thị Thúy	Thủ quỹ	Đồng	4.907.000
12	Ngô Xuân Bảy	Bảo vệ	Đồng	4.338.000
13	Nguyễn Trà Giang	Hành chính	Đồng	4.820.000
CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐỘI:				
1	Nguyễn Trọng Bằng	ĐT Đức Thịnh	Đồng	5.240.000
2	Nguyễn Duy Vinh	KT Đức Thịnh	Đồng	4.017.000
3	Đặng Văn Nam	ĐT Tân Lương	Đồng	5.824.000
4	Nguyễn Thị Ánh Vân	KT Tân Lương	Đồng	4.518.000
5	Trần Thị Hương	ĐT Nhất Đồng Suru	Đồng	5.824.000
6	Cao Thị Lệ	KT Nhất Đồng Suru	Đồng	4.518.000
7	Trần Văn Cơ	ĐT Thái Yên Phong	Đồng	5.824.000
8	Nguyễn Thị Hào	KT Thái Yên Phong	Đồng	4.518.000
9	Đặng Ngọc Thuận	ĐT Xuân Lý	Đồng	4.979.000
10	Giảm Viêt Trường	ĐT Minh Phúc	Đồng	5.240.000
11	Lê Thị Minh Quyên	ĐT Tân Long	Đồng	5.240.000
12	Trần Thị Thanh Huyền	KT Long Lập Thắng	Đồng	4.518.000
13	Lưu Văn Vỹ	ĐT Lập Thắng	Đồng	5.240.000
14	Nguyễn Thị Nghĩa	ĐT Hồ Thành	Đồng	5.240.000
15	Đặng Hoài Nam	KT Hồ Thành	Đồng	4.017.000

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Trích: “ báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020”:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 10 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2020 số dư vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho phần số dư này hay không.

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi theo hướng với số tiền ước tính là 926.954.154 VND, dẫn đến khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn” (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được ghi nhận quá là 926.954.154 VND. Đồng thời,

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” được ghi nhận thiếu là 926.954.154 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

28
C
C
ÔN
SỐ
4N

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP SÔNG CON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020



12/1 0:0 12/1

Nghe An, tháng 03 năm 2021

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch
Ông Võ Hồng Điềm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Mão	Thành viên

Ban Giám đốc	
Ông Võ Hồng Điềm	Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Mão	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Đào	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trần Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Phạm Thị Nhân	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại các văn bản sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2021



Võ Hồng Diễm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UHY Co Ltd

Số: 02.160321 /BCKT-UHY MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc ;
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 10 - Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2020 số dư vay dài hạn chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho phần số dư này hay không.

CS Scanned with CamScanner

Tầng 9, Tòa nhà FLC
82 Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 24.37557446 Fax: 84 24.37557448

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.631.850.069	14.963.183.512
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	706.438.681	3.428.430.149
111	1. Tiền		706.438.681	1.428.430.149
112	2. Các khoản tương đương tiền			2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.345.124.823	8.732.561.866
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.985.323.876	2.074.991.935
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		29.039.350	22.707.500
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	7.330.761.597	6.634.862.431
140	IV. Hàng tồn kho	6	5.580.286.565	2.802.191.497
141	1. Hàng tồn kho		5.580.286.565	2.802.191.497
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.728.960.945	9.655.607.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.532.396.996	4.691.821.566
216	6. Phải thu dài hạn khác	5	4.532.396.996	4.691.821.566
220	II. Tài sản cố định		2.829.281.308	3.292.029.208
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.829.281.308	3.292.029.208
222	- Nguyên giá		13.645.633.569	13.615.826.569
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.816.352.261)	(10.323.797.361)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7	2.003.277.690	1.376.756.219
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.003.277.690	1.376.756.219
260	VI. Tài sản dài hạn khác		364.004.951	295.000.796
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	364.004.951	295.000.796
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.360.811.014	24.618.791.301



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.312.752.898	3.646.516.925
310	I. Nợ ngắn hạn			
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.900.777.898	1.234.541.925
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	2.383.229.820	688.829.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	106.862.809	108.912.000
314	4. Phải trả người lao động		174.201.219	201.945.783
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	30.000.000	16.329.000
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		191.741.377	200.882.669
			14.742.673	17.642.673
330	II. Nợ dài hạn		2.411.975.000	2.411.975.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	2.411.975.000	2.411.975.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.048.058.116	20.972.274.376
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	21.048.058.116	20.972.274.376
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.760.000.000	20.760.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.760.000.000	20.760.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.816.000	130.816.000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		157.242.116	81.458.376
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		157.242.116	81.458.376
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.360.811.014	24.618.791.301

Người lập biểu



Vũ Quang Đông

Kế toán trưởng



Vũ Quang Đông

Ngày 16 tháng 03 năm 2021



Giám đốc
Võ Hồng Đỉnh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	40.857.730.026	35.998.701.687
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.857.730.026	35.998.701.687
11	4. Giá vốn hàng bán	17	38.083.144.083	33.853.384.784
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.774.585.943	2.145.316.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	315.714.024	173.461.555
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		327.846.020	17.480.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.741.974.223	2.238.221.368
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.479.724	63.077.090
31	11. Thu nhập khác	20	76.695.000	34.434.037
32	12. Chi phí khác	21	7.649.426	27.716.188
40	13. Lợi nhuận khác		89.045.574	6.717.849
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		89.525.298	69.794.939
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	13.741.558	18.261.405
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		75.783.740	51.533.534
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	37	25
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		37	25

Người lập biểu



Vũ Quang Đông

Kế toán trưởng



Vũ Quang Đông

Ngày 16 tháng 03 năm 2021



Võ Hồng Diễm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Theo phương pháp trực tiếp

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	60.564.370.867	34.879.360.286
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(52.516.898.487)	(30.776.626.291)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(2.818.374.000)	(2.411.060.900)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(18.261.405)	(7.481.210)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	869.537.327	535.428.464
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(8.676.067.794)	(9.238.124.018)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.595.693.492)	(7.018.503.669)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(442.012.000)	(265.336.364)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	315.714.024	74.401.658
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(126.297.976)	(190.934.706)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(2.721.991.468)	(7.209.438.375)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.428.430.149	10.637.868.524
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	706.438.681	3.428.430.149

Người lập biểu



Vũ Quang Đông

Kế toán trưởng



Vũ Quang Đông



Võ Hồng Điềm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con (sau đây gọi tắt là "Công ty") liên thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 472/QĐ.UBND-ĐMDN ngày 10/02/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2900329834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 19/03/2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 22/08/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 20.760.000.000 đồng chia thành 2.076.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2020 là 20.760.000.000 VND, chi tiết như sau:

	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Vốn nhà nước	7.717.600.000	37,18%
Công ty CP Mía đường Sông Con	6.384.400.000	30,75%
Ông Võ Hồng Điềm	1.570.000.000	7,56%
Cổ đông khác	5.088.000.000	24,51%
Tổng	20.760.000.000	100,00%

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây mía; Trồng cây ăn quả; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Chế biến và bảo quản rau quả; Trồng cây cao su.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị:
Trụ sở chính

Địa chỉ:
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 538 người (tại ngày 31/12/2019 là 547 người).

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các khoản nợ phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-15 năm
- Các tài sản khác	10-40 năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

2.8 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

2.9 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.10 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

2.12 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.13 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

2.14 . THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2020, Công ty thuộc diện được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.15 . Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	259.250.600	128.364.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	447.188.081	1.300.065.849
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Tổng	706.438.681	3.428.430.149

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	2.985.323.876	2.074.991.935
- Đại lý Sỹ Nga	943.811.700	143.940.000
- UBND xã Tân Phú	850.000.000	850.000.000
- Nguyễn Thị Thủy	188.214.000	203.936.500
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cường An	-	248.268.391
- Đối tượng khác	1.003.298.176	628.847.044

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MÃ SỐ B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	7.330.761.597	6.634.862.431
Đội Đức Thịnh	209.615.510	277.304.600
Đội Tân Lương	1.072.165.050	1.026.169.100
Đội Nhất Đồng Suu	1.281.772.325	1.069.440.725
Đội Thái Yên Phong	1.270.014.803	1.127.978.353
Đội Xuân Lý	336.273.497	285.475.600
Đội Minh Phúc	155.701.400	105.057.400
Đội Tân Long	1.023.212.280	770.593.680
Đội Lập Thắng	945.553.010	807.624.110
Đội Hồ Thành	762.014.973	982.021.773
Xưởng Cao su	4.845.500	2.542.200
Phải thu khác	269.593.249	180.654.890
	4.532.396.996	4.691.821.566
b) Dài hạn	129.947.200	125.872.200
Đội Đức Thịnh	129.947.200	125.872.200
Đội Tân Lương	220.772.000	214.625.700
Đội Nhất Đồng Suu	338.404.401	342.577.400
Đội Thái Yên Phong	1.486.866.950	1.513.796.200
Đội Xuân Lý	1.028.594.146	992.190.146
Đội Minh Phúc	620.330.019	660.970.520
Đội Tân Long	235.122.560	264.176.360
Đội Lập Thắng	279.396.940	264.906.940
Đội Hồ Thành	192.962.780	312.706.100

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.766.907.355	-	426.339.947	-
Công cụ, dụng cụ	116.565.333	-	107.876.000	-
Chi phí SXKD dở dang	1.320.944.893	-	1.234.206.281	-
Thành phẩm	1.728.430.143	-	173.263.942	-
Hàng hóa	647.438.841	-	860.505.327	-
Tổng	5.580.286.565	-	2.802.191.497	-

7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trồng rừng 327	300.341.996	300.341.996
Vườn ươm cao su	138.901.157	45.209.557
Xưởng sản xuất phân NPK	288.121.000	-
Hội trường Đội Lập Thắng	66.034.000	-
Hội trường Đội Minh Phúc	95.093.000	-
Chi phí làm vườn cam	1.114.786.537	1.031.204.666
Tổng	2.003.277.690	1.376.756.219

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Bảo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn	364.004.951	295.000.796
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	120.308.926	103.444.996
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	119.809.525	129.078.800
- Chi phí sửa chữa đường nguyên liệu	123.886.500	62.477.000

10 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 2

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	2.383.229.820	2.383.229.820	688.829.800	688.829.800
- Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Tân Kỳ	17.800.000	17.800.000	198.470.000	198.470.000
- Công ty CP Công Nông Nghiệp Tiến Nông	1.645.805.000	1.645.805.000	3.560.000	3.560.000
- Đối tượng khác	719.624.820	719.624.820	486.799.800	486.799.800

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	106.862.809	108.912.000
- Công ty TNHH SX Chế biến và TM Thăng Lợi	50.000.000	50.000.000
- Trần Ngọc Cường	9.600.000	21.600.000
- Công ty TNHH SX TM Cường An	29.731.209	-
- Đối tượng khác	17.531.600	37.312.000

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	183.684.378	375.398.926	398.624.193	160.459.111
Thuế TNDN	18.261.405	13.741.558	18.261.405	13.741.558
Thuế TNCN	-	10.045.200	10.044.650	550
Thuế nhà đất	-	61.102.672	61.102.672	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

Trong đó

- Trình bày là phải trả	201.945.783	174.201.219
-------------------------	-------------	-------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
:		
Ngắn hạn	191.741.377	200.882.669
- Kinh phí công đoàn	112.522.200	115.618.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.219.177	85.264.269

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Công VND
Số dư đầu năm trước	20.760.000.000	130.816.000	29.924.842	20.920.740.842
Lãi trong năm trước	-	-	51.533.534	51.533.534
Dư cuối năm trước	20.760.000.000	130.816.000	81.458.376	20.972.274.376
Lãi trong năm nay	-	-	75.783.740	75.783.740
Dư cuối năm nay	20.760.000.000	130.816.000	157.242.116	21.048.058.116

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	7.717.600.000	37,18	7.717.600.000	37,18
Công ty CP Mía đường Sông Con	6.384.400.000	30,75	6.384.400.000	30,75
Ông Võ Hồng Diễm	1.570.000.000	7,56	1.570.000.000	7,56
Cổ đông khác	5.088.000.000	24,51	5.088.000.000	24,51
Tổng	20.760.000.000	100,00	20.760.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.760.000.000	20.760.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.760.000.000	20.760.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
:		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.076.000	2.076.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.076.000	2.076.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.076.000	2.076.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.076.000	2.076.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.076.000	2.076.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu	2.076.000	2.076.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

<p>Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An</p>	:	<p>Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020</p>
		MẪU SỐ B 09-DN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
16 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cao su, phân bón, thu nghĩa vụ và hoạt động khác	40.857.730.026	35.998.701.687
Tổng	40.857.730.026	35.998.701.687
Doanh thu với các bên liên quan - Công ty CP Mía đường Sông Con	23.164.222.000	20.272.703.240
Tổng	23.164.222.000	20.272.703.240
17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cao su, phân bón, thu nghĩa vụ và hoạt động khác	38.083.144.083	33.853.384.784
Tổng	38.083.144.083	33.853.384.784
18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	315.714.024	173.461.555
Tổng	315.714.024	173.461.555
19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.444.313.523	1.423.200.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.017.200	131.361.250
Thuế, phí và lệ phí	88.266.277	50.987.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.340.000	78.606.442
Chi phí bằng tiền khác	1.022.037.223	554.065.229
Tổng	2.741.974.223	2.238.221.368
20 . THU NHẬP KHÁC	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	28.000.000
Các khoản khác	76.695.000	6.434.037
Tổng	76.695.000	34.434.037

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MÃ SỐ B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Xử lý nợ khó đòi	-	16.533.000
Tiền phạt, lãi chậm nộp	7.649.426	6.138.188
Các khoản khác	-	5.045.000
Tổng	7.649.426	27.716.188

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Năm 2020, Công ty thuộc diện được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	89.525.298	69.794.939
Điều chỉnh tăng	8.628.686	21.512.086
- Chi phí không được trừ	8.628.686	21.512.086
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	98.153.984	91.307.025
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.741.558	18.261.405

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	75.783.740	51.533.534
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	75.783.740	51.533.534
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.076.000	2.076.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	25

- Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09-DN

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Mía đường Sông Con	Cổ đồng lớn	23.164.222.000	20.272.703.240

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	365.014.000	262.227.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung.

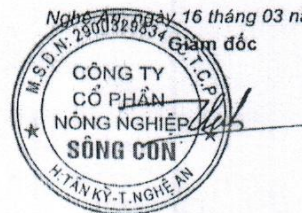
Người lập biểu

Vũ Quang Đông

Kế toán trưởng

Vũ Quang Đông

Ngày 16 tháng 03 năm 2021



Vũ Hồng Điềm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xã Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Công VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.154.076.054	4.570.737.844	1.336.363.635	1.554.647.036	13.615.826.569
Số tăng trong năm	29.807.000	-	-	-	29.807.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	29.807.000	-	-	-	29.807.000
Số dư cuối năm	6.183.885.054	4.570.737.844	1.336.363.635	1.554.647.036	13.645.633.569
Trong đó:					
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	-	-	-	190.472.500	190.472.500
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.309.524.477	3.743.606.231	999.393.946	1.271.272.707	10.323.797.361
Số tăng trong năm	126.677.712	253.138.847	72.121.209	40.617.132	492.554.900
Khấu hao trong năm	126.677.712	253.138.847	72.121.209	40.617.132	492.554.900
Số dư cuối năm	4.436.202.189	3.996.745.078	1.071.515.155	1.311.889.839	10.816.352.261
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.844.553.577	827.131.613	336.969.689	283.374.329	3.292.029.206
Tại ngày cuối năm	1.747.682.965	573.992.766	264.848.480	242.757.197	2.829.281.308

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Xóm Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

Bảo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Lưu ý 2 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Vay dài hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay Chương trình 327	2.411.975.000	2.411.975.000	-	-	2.411.975.000	2.411.975.000
Tổng	2.411.975.000	2.411.975.000	-	-	2.411.975.000	2.411.975.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Các khoản vay này phát sinh từ lâu thuộc diện vốn vay các chương trình dự án không lãi suất.

Số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2020 chưa được đối chiếu là: 2.411.975.000 đồng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người đại diện theo Pháp luật

Giám đốc



Võ Hồng Diễm